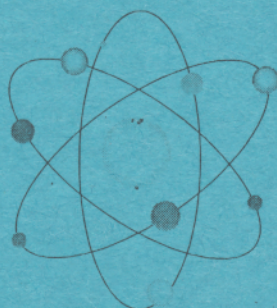


ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
Sở Khoa học và Công nghệ

BÁO CÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

*“Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả
kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái”*



Quảng Ninh, năm 2003

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

1- Tên dự án:

"Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái."

Thuộc chương trình: **Xây dựng mô hình ứng dụng KH-CN phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn miền núi.**

2- Thời gian thực hiện: Năm 1999 - 2002

3- Cấp quản lý:

Bộ Khoa học và Công nghệ

4- Cơ quan chủ quản dự án:

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

5- Cơ quan chủ trì dự án:

Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0.33.835958

FAX: 0.33. 835471

6- Chủ nhiệm dự án: Kỹ sư Vũ Văn Thành

Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ tỉnh Quảng Ninh

Điện thoại: 0.33.835929

FAX: 0.33.835471

7- Các cơ quan chuyển giao công nghệ chính:

Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I

8- Kinh phí:

Tổng kinh phí:

844.400.000 đồng

Trong đó:

Kinh phí sự nghiệp khoa học TW: 550.000.000 đồng

Kinh phí đối ứng của địa phương: 294.400.000 đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN

“Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái”

I-KHAI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA VÙNG DỰ ÁN

Xã Vạn Ninh thuộc thị xã Móng Cái cách trung tâm Thị xã 8 km về phía nam. Diện tích đất tự nhiên 6.113 ha, trong đó có 1.870 ha rừng ngập mặn là vùng bảo vệ sự xâm thực của biển, vừa là nơi cung cấp thức ăn đồng thời là nơi cư trú của nhiều loài hải sản có giá trị kinh tế. Diện tích đất bãi triều và mặt nước có khả năng nuôi trồng thủy sản là 3.958 ha, chiếm 65,8% đất đai toàn xã.

Xã có 1.086 hộ, 5.674 khẩu, 100% là người dân tộc kinh, chia làm 5 thôn. Đời sống của nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, nguồn thu nhập từ sản xuất nông lâm ngư nghiệp là chính. Thu nhập bình quân đầu người 150.000đ/người/tháng. Vì vậy, nhiều hộ lao động chưa yên tâm về sản xuất nông lâm ngư, thường xuyên tham gia vào buôn bán nhỏ, khuôn vác hàng hoá ở cửa khẩu Móng Cái. Số hộ tham gia sản xuất ngư nghiệp chiếm 50%, chủ yếu là nghề đánh bắt thủy sản ven bờ. Những năm gần đây, nguồn lợi thủy sản tự nhiên suy giảm nên sản lượng đánh bắt hàng năm thấp. Do đó, nhiều hộ đã có xu hướng dịch chuyển từ khai thác sang nuôi trồng thủy sản.

Khu vực Móng Cái thuộc vùng khí hậu 2 mùa rõ rệt (mùa mưa và ít mưa). Nước biển của bãi triều có nồng độ muối về mùa đông từ 24÷26 ‰, về mùa hè từ 18÷24 ‰. Đáy bãi triều bằng phẳng, kín gió, ít sóng to, chất đáy chủ yếu là bùn cát pha. Nhìn chung vùng bãi triều này có điều kiện môi trường nước phù hợp cho nuôi trồng thủy sản, địa hình khá thuận lợi cho việc cấp thoát nước, cải tạo ao đầm và thu hoạch nhưng do nguồn vốn, trình độ kỹ thuật công nghệ nuôi thủy sản rất thấp nên nghề nuôi trồng ở đây chưa phát triển mạnh. Do đó, đến nay diện tích vùng triều chưa đưa vào sử dụng hết, thực tế mới có 1.080 ha đã được ngăn thành các đầm nuôi có diện tích lớn từ 10 đến 50 ha. Hình thức nuôi chủ yếu theo kiểu quảng canh nên đạt năng suất thấp, (100÷150kg/ha/vụ). Một số đầm đã áp dụng nuôi tôm Sú theo hình thức quảng canh cải tiến nhưng năng suất còn bấp bênh, hiệu quả kinh tế còn thấp.

Hiện nay chính quyền địa phương đang chỉ đạo ngành thủy sản từng bước dịch chuyển cơ cấu ngành nghề từ khai thác sang nuôi trồng, xác định rõ việc phát triển nghề nuôi Thủy sản cần phải có kiến thức khoa học thủy sản, công nghệ nuôi và nguồn vốn ban đầu.

Xuất phát từ tình hình thực tế đó, Bộ khoa học – Công nghệ, UBND tỉnh đã quan tâm hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Ninh thực hiện dự án: ***“Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái”***. Dự án được thực hiện tại xã Vạn Ninh, kết quả của dự án là rất thành công, nội dung dự án thực hiện phù hợp với xu thế phát triển của ngành và phù hợp với điều kiện tự

nhiên của vùng dự án, có tác dụng lớn tới chủ trương phát triển nghề nuôi tôm của Thị xã và được nhân dân trong vùng hưởng ứng nhiệt tình học tập.

II- MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ QUY MÔ CỦA DỰ ÁN:

1. Mục tiêu:

Gồm 2 mục tiêu chính sau:

– Nhằm xác lập mô hình nuôi tôm phù hợp, ổn định, bền vững cho vùng nước tự nhiên của địa phương, dự án thực hiện áp dụng phương pháp “**nuôi tôm sú ít thay nước**” vào đầm Đông Xá, xã Vạn Ninh thay cho phương pháp nuôi quảng canh, thường xuyên thay nước và có năng suất thấp, chỉ đạt $100 \div 150 \text{kg/ha/vụ}$ với mục tiêu tăng năng suất nuôi thủy sản, nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tăng thu nhập, cải thiện đời sống ngư dân tham gia dự án.

– Thông qua việc chuyển giao công nghệ sẽ nhân ra diện rộng, từng bước nâng cao trình độ dân trí, giúp nhân dân Móng Cái có khả năng tiếp thu các công nghệ nuôi thủy sản tiên tiến hơn, góp phần ổn định và phát triển kinh tế xã hội vùng biên giới của Tổ quốc.

2. Nội dung và qui mô dự án :

2.1 *Dạy nghề và hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm ít thay nước:*

Bao gồm từ khâu kỹ thuật chuẩn bị ao nuôi, thả tôm, cách chăm sóc tôm nuôi, xác định nguyên nhân gây bệnh cho tôm đồng thời nắm được hiện trạng môi trường nước từ khi nuôi cho đến khi thu hoạch tôm, thông qua các hình thức hướng dẫn dạy nghề sau:

– Mở lớp tập huấn kết hợp với hội nghị đầu bờ và kiểm tra năng lực tiếp thu của người dân qua các đợt đi thực tế ở vùng dự án.

– Thông tin tuyên truyền qua tài liệu, dưới dạng tờ bướm, tờ rơi, bài viết, băng video dễ đọc, dễ nhớ, dễ hiểu...

– Kết hợp với phòng Nông Lâm Ngư nghiệp thị xã Móng Cái đưa thông tin về công nghệ nuôi tôm ít thay nước qua đài truyền thanh, truyền hình của thị xã Móng Cái.

2.2 *Áp dụng công nghệ nuôi tôm ít thay nước cho 2 mô hình được xây dựng dưới 2 hình thức nuôi*

– Nuôi tôm quảng canh cải tiến với qui mô về diện tích là 9 ha, với mục tiêu đặt ra là đạt năng suất từ $400 \div 500 \text{kg/ha}$.

– Nuôi tôm bán thâm canh, qui mô ở diện tích đầm nhỏ 1 ha, với mục tiêu về năng suất đạt từ $1.000 \div 1.200 \text{kg/ha}$.

III- TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN DỰ ÁN

1. Các giải pháp thực hiện trong quá trình triển khai dự án

1.1. *Giải pháp về tổ chức chỉ đạo thực hiện dự án:*

*** Các căn cứ để thực hiện dự án:**

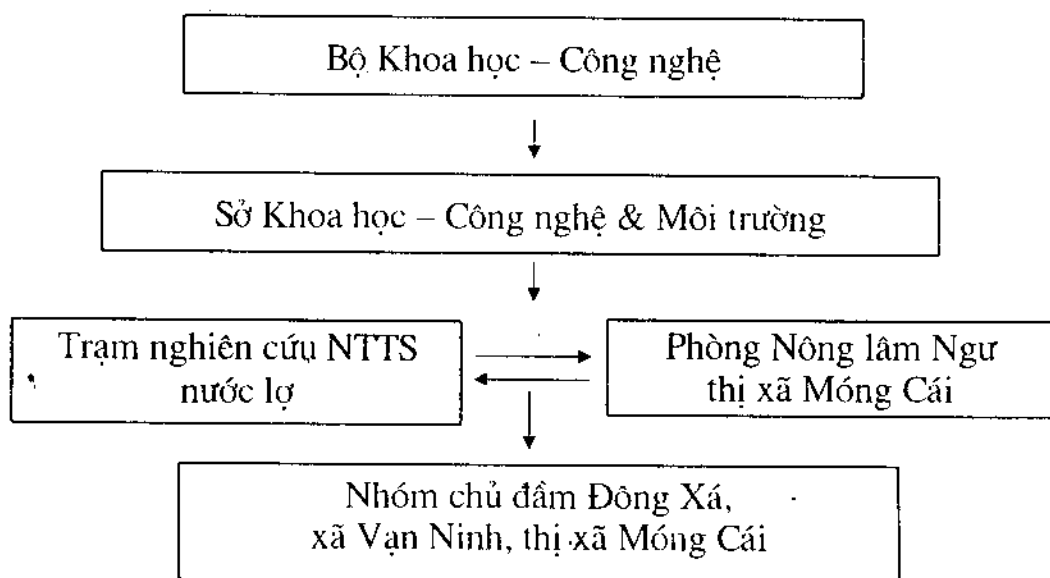
– Căn cứ quyết định số 1266/QĐ-BKHCNMT, ngày 13/7/2000 của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường về việc thành lập Hội đồng Khoa học Công nghệ cấp nhà nước xem xét thuyết minh các dự án xây dựng mô hình ứng dụng Khoa học – Công nghệ nuôi trồng Thủy sản năm 2000 của tỉnh Quảng Ninh và biên bản họp hội Hội đồng Khoa học cấp Nhà nước đánh giá kết quả bảo vệ thuyết minh dự án, thuộc chương trình: “*Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế-xã hội Nông thôn và Miền núi giai đoạn 1998–2000*”.

– Căn cứ hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm khoa học số 12-2001/HĐ-KCM, ký ngày 20/3/2001 giữa Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường Quảng Ninh với Trạm nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản nước lợ.

*** Thời gian thực hiện dự án:**

Dự án thực hiện trong 2 năm (từ tháng 10/2000 đến tháng 10/2002).

*** Tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện dự án:**



*** Biện pháp thực hiện:**

Tổ chức các hộ ngư dân tham gia dự án, tập huấn học nghề nuôi tôm theo quy trình công nghệ ít thay nước để áp dụng các tiến bộ kỹ thuật của nuôi trồng thủy sản vào xây dựng 2 mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến và bán thâm canh.

Trong quá trình thực hiện dự án, thời gian chuẩn bị đầm và thả nuôi tôm, cơ quan chuyển giao công nghệ đã cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên ở tại hiện trường để tập huấn hướng dẫn kỹ thuật công nghệ nuôi tôm và theo dõi về quá trình phát triển nuôi tôm.

Cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án đã tổ chức 2 cuộc kiểm tra theo định kỳ của năm 2001 và năm 2002. Các cuộc kiểm tra tùy theo yêu cầu có mời các đơn vị tham gia như:

- Sở Khoa học và Công nghệ.
- Sở Tài chính – Vật giá.
- Sở Thủy sản.
- UBND thị xã Móng Cái.
- Phòng Nông Lâm Ngư thị xã Móng Cái.
- Cơ quan chuyển giao công nghệ.

1.2. Giải pháp về khoa học – công nghệ

Trong quá trình thực hiện dự án đã áp dụng thành công công nghệ nuôi tôm Sú ít thay nước để tránh lẫn các loài tạp khác như tôm sáu Râu, cá con... ăn tôm giống và gây ô nhiễm môi trường. Công nghệ này rất phù hợp với vùng bãi triều Móng Cái, mùa nuôi tôm thường vào mùa mưa bão, làm cho độ mặn nước biển hạ xuống đột ngột và nguồn nước biển thường bị chứa nhiều chất thải từ nhiều nơi chảy về nên môi trường nuôi tôm dễ bị ô nhiễm. Do đó, chỉ nên thay nước vào thời điểm tôm nuôi được 60 ngày là rất có hiệu quả. Như vậy, áp dụng công nghệ nuôi tôm ít thay nước là rất có ý nghĩa thực tiễn đối với việc phát triển nghề nuôi tôm ở Quảng Ninh nói chung và ở vùng triều Móng Cái nói riêng.

2. Một số thuận lợi và khó khăn khi thực hiện dự án :

2.1 Những thuận lợi :

Dự án thực hiện đã thành công là do có sự chỉ đạo chặt chẽ của bộ Khoa học – Công nghệ, UBND tỉnh Quảng Ninh, Sở Khoa học và Công nghệ. Sự đoàn kết nhất trí cao của nhóm chủ đầu tư Đông Xá thực hiện dự án, sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan chuyển giao công nghệ và đơn vị tiếp nhận công nghệ và thụ hưởng dự án, sự tạo mọi điều kiện thuận lợi, nhiệt tình ủng hộ của cấp uỷ, chính quyền địa phương xã Vạn Ninh, thị xã Móng Cái. Tức là luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các cơ quan hữu quan từ Trung ương đến địa phương, sự phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ giữa cơ quan chuyển giao kỹ thuật của Viện nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản I và đơn vị tiếp nhận dự án là nhóm hộ gia đình đầu tư Đông Xá, xã Vạn Ninh thị xã Móng Cái.

Thường xuyên nhận được sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ tận tình, tạo mọi điều kiện thuận lợi của cấp uỷ, chính quyền xã Vạn Ninh, thị xã Móng Cái.

Sự đoàn kết nhất trí cao của các thành viên trong nhóm thực hiện dự án đã tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện thành công dự án.

2.2 Về khó khăn:

Nhìn chung thời tiết cũng như dịch bệnh tôm ở khu vực Móng cái trong 2 năm thực hiện dự án không thuận lợi cho quá trình sinh trưởng và phát triển của tôm ở các đầm nuôi trong cùng vụ nuôi. Nhiều hộ bị chết tôm hàng loạt.

Về tổ chức dự án, kinh phí cấp chậm và không đồng bộ (vụ nuôi chi phí chỉ gọn trong 5 tháng/năm nhưng kinh phí dự án lại phân kỳ cấp thành 2 năm). Hơn nữa, trong thời gian thực hiện dự án giá cả thị trường không ổn định, cụ

thể giá tôm giống tăng, giá tôm thương phẩm thì hạ nên hiệu quả kinh tế chưa cao. Địa điểm thực hiện dự án ở xa cơ quan quản lý và xa trung tâm chuyển giao kỹ thuật.

Mặt khác, xã Vạn Ninh là 1 xã nghèo, thuần nông, nghề nuôi thủy sản là một nghề mới. Khi dự án chưa triển khai, số hộ nuôi trồng thủy sản chỉ có 6 hộ với hiểu biết kỹ thuật còn yếu, phương thức canh tác còn lạc hậu, chủ yếu là nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến. Một số ít hộ nuôi bán thâm canh nhưng lại thuê chuyên gia Trung Quốc song hiệu quả nuôi cũng không cao.

IV-KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC CỦA CÁC NỘI DUNG CÔNG VIỆC, CÁC MÔ HÌNH

1.Kết quả dạy nghề và đào tạo cán bộ kỹ thuật nuôi tôm ít thay nước:

Kết hợp với phòng Nông Lâm Ngư nghiệp thị xã Móng Cái, đưa thông tin về công nghệ nuôi tôm ít thay nước qua đài truyền thanh, truyền hình Móng Cái. Mặt khác, thông tin qua tài liệu dưới dạng tờ bướm, tờ rơi, bài viết... cô đọng, dễ hiểu, dễ nhớ và đồng thời mở các lớp tập huấn, hội nghị "đầu bờ" tại đầm. Đây là cách có hiệu quả cao trong công tác khuyến ngư.

Mở lớp tập huấn: Dự án đã tiến hành mở 3 lớp tập huấn phổ biến kiến thức nuôi tôm cho bà con nông dân, tập huấn kết hợp kiểm tra năng lực tiếp thu của học viên qua những lần đi thực tế trong vùng dự án. Ví dụ đã kiểm tra kiến thức về phương pháp xác định nhanh của môi trường nước, biết được màu nước để từ đó đánh giá chất lượng nước, cách phát hiện tôm bị bệnh..., kết quả nhận thấy, hầu hết các học viên đều nắm được. Thực tế cho thấy hội nghị đầu bờ trao đổi kinh nghiệm được coi là một trong những hình thức chuyển giao công nghệ có hiệu quả cao.

Sau 2 năm triển khai dự án, số hộ được tập huấn về kỹ thuật nuôi tôm đạt 90%, không chỉ ở xã Vạn Ninh mà ở các xã thuộc thị xã Móng Cái đều được tập huấn và nắm vững kỹ thuật nuôi tôm. Do đó, trình độ nuôi tôm của bà con ngư dân ngày càng được nâng lên, đã làm giảm chi phí đáng kể thuê chuyên gia, hạn chế dịch bệnh, giảm chi phí thuốc phòng chữa bệnh, nâng cao năng suất, đạt hiệu quả kinh tế cao trong nuôi trồng thủy sản. Tạo điều kiện ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho 25 lao động của 15 hộ trong nhóm thực hiện dự án... Ngoài ra, có thêm tư liệu về số hộ được ảnh hưởng từ mô hình: Có rất nhiều hộ đã chuyển tập quán làm ăn từ khuôn vác hàng hoá ở cửa khẩu Móng Cái sang làm nghề nuôi trồng Thủy sản, vì có mô hình áp dụng công nghệ nuôi tôm ít thay nước.

2. Kết quả về xây dựng mô hình:

Dự án đã xây dựng được 2 mô hình:

- Mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến với diện tích là 9ha.
- Mô hình nuôi tôm bán thâm canh trên diện tích nhỏ là 0,75 ha.

Cả 2 mô hình đều được xây dựng qui mô đầm nuôi theo đúng qui trình kỹ thuật từ khâu chuẩn bị ao đầm nạo vét đáy ao, khử trùng... đến thả tôm, chăm sóc tôm nuôi theo trọng lượng, kiểm tra môi trường nước của đầm nuôi tôm.

Kết quả thu hoạch của 2 đầm trong 2 năm thực hiện dự án

Năm 2001			
Chỉ tiêu theo dõi	Đầm lớn 9ha Hình thức nuôi QCCT	Đầm nhỏ 0,75ha Hình thức nuôi BTC	Ghi chú
Mật độ thả, cỡ giống thả	15 con/m ² , giống P15	26 con/m ² , giống P15	
Số lượng thả	130 vạn con	20 vạn con	
Tỷ lệ sống (%)	27,7	19	
Thời gian nuôi (ngày)	120	110	
Trọng lượng (số con/kg)	45 con/ Kg	46 con / Kg	
Năng suất (Kg/ha)	902 Kg/ha=180% so với mục tiêu của dự án	1120 Kg/ ha, đạt mục tiêu của dự án đề ra	
Sản lượng (tấn)	Thu được 12,12 tấn các loại, trong đó tôm Sú đạt 8,12 tấn, tôm Sấu Râu đạt 4 tấn	0,84 tấn	
Hiệu quả kinh tế	Tổng thu: 599,36 triệu đồng Chi phí sản xuất: 560,39 triệu đồng Lãi: 38,97 triệu đồng		Của cả 2 đầm

Năm 2002			
Mật độ thả, cỡ thả	11 con/ m ² , P 15	26 con/ m ² , P 15	
Số lượng thả	100,5 vạn con	19,5 vạn con	
Tỷ lệ sống (%)	72%	55,8%	
Thời gian nuôi (ngày)	120	120	
Trọng lượng (số con/kg)	71 con/Kg	87 con/Kg	
Năng suất (Kg/ha)	Đạt 1126 Kg/ha bằng 225% so với mục tiêu của dự án	Đạt 1662 Kg/ha bằng 166% so với mục tiêu của dự án	
Sản lượng (tấn)	10,141 tấn	1,246	
Hiệu quả kinh tế	Sản lượng tôm Sú thu được của cả 2 đầm là 11,388 tấn, thực tế bán ra có 10,105 tấn. Tổng thu: 546 triệu đồng Chi phí sản xuất: 418 triệu đồng Lãi: 128 triệu đồng		Của cả 2 đầm

3. Khả năng nhân rộng của mô hình sau khi hoàn thành dự án.

Trong quá trình thực hiện dự án, được sự hưởng ứng nhiệt tình của các hộ dân toàn thị xã Móng Cái nói chung và trong xã Vạn Ninh nói riêng. Đã có rất nhiều hộ dân trong vùng dự án đến thăm quan và học tập mô hình. Thông qua các lớp tập huấn, chuyển giao hướng dẫn kỹ thuật, các hộ dân nuôi tôm thuộc thị xã Móng Cái được trang bị thêm kiến thức về phương pháp nuôi tôm bán thâm canh, ít thay nước phù hợp với điều kiện sinh thái của vùng bãi triều. Do đó, kết quả của dự án đã làm cho phong trào nuôi tôm ít thay nước phát triển mạnh mẽ, góp phần thúc đẩy nghề nuôi trồng thủy sản của thị xã ngày càng có hiệu quả kinh tế cao.

Ví dụ năm 2000 thị xã Móng Cái chỉ có 530 ha nuôi tôm, năng suất bình quân mới đạt là 180 kg/ha. Năm 2001 diện tích nuôi có 680 ha, năng suất bình quân là 230kg/ha. Năm 2002 diện tích lên tới 790 ha, năng suất bình quân là 448 kg/ha. Riêng vụ xuân hè năm 2003 đã có 812 ha diện tích nuôi tôm, năng suất bình quân của vụ đạt tới 508 kg/ha.

Xã Vạn Ninh là đơn vị được dự án xây dựng mô hình trình diễn nên có diện tích nuôi tôm tăng lên rất nhanh. Cụ thể, năm 2000 khi chưa có dự án, cả xã có 6 hộ nuôi tôm với diện tích 30 ha, năng suất bình quân đạt 170 kg/ha. Nhưng đến năm 2002 khi có dự án áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước thì có tới 38 hộ nuôi tôm và diện tích nuôi tôm lên tới 85,9 ha, năng suất đạt là 701kg/ha, là xã có năng suất nuôi tôm cao nhất thị xã Móng Cái, được Bộ Thủy sản tặng bằng khen. Hiện nay phong trào nuôi tôm ít thay nước đang được phát triển rộng khắp vùng bãi triều thuộc thị xã Móng Cái.

V- TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN:

1. Kinh phí SNKHTW: 550 triệu đồng.

Đơn vị tính: 1.000 đồng

SỐ TT	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG	KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN
1	Thuê khoán chuyên môn	94.000.000	94.000.000
2	Đầu tư máy móc thiết bị	67.000.000	67.000.000
3	Đầu tư nguyên vật liệu, năng lượng	384.000.000	384.000.000
4	Chi khác	5.000.000	5.000.000
	Tổng	550.000.000	550.000.000

Tổng kinh phí của dự án đã được quyết toán là: 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn).

2. Kinh phí địa phương (vốn đối ứng): 294,4 triệu đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

SỐ TT	NỘI DUNG CHI	KINH PHÍ ĐÃ SỬ DỤNG	KINH PHÍ ĐÃ QUYẾT TOÁN
1	Công cải tạo ao	6.000	6.000
2	Xăng dầu, điện	20.000	20.000
3	Vật rẻ tiền mau hỏng	6.000	6.000
4	Chi phí nhân công	16.000	16.000
5	Chi khác	20.400	20.400
6	Cọc tre, văng lưới, thuyền gỗ, túi độn	14.000	14.000
7	Đất đào đắp	24.000	24.000
8	Làm cống tưới tiêu	60.000	60.000
9	Sửa cống tiêu cũ	70.000	70.000
10	Đường điện	20.000	20.000
11	Quản lý và nghiệm thu cấp cơ sở	13.000	13.000
Tổng cộng		294.400	294.400

Kinh phí đã được quyết toán: 294.400.000 (Hai trăm chín tư triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

VI- MỘT SỐ TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

– Địa điểm chọn để triển khai dự án chưa hoàn toàn tối ưu cho nuôi tôm công nghiệp, cấu trúc nền đáy không đồng nhất, độ sâu đáy không đồng đều. (Ao lớn 40% diện tích độ sâu >1m, 60% độ sâu <1m; ao nhỏ đáy lòng chảo dẫn đến diện tích cư trú của tôm không đảm bảo). Ao đầm nuôi giáp vùng nông nghiệp nhưng hệ thống mương thoát nước chưa đạt tiêu chuẩn. Tuy nhiên, so với điều kiện ao đầm trong vùng thì đây là điểm tốt nhất triển khai thực hiện dự án.

– Giống tôm không đồng đều, khoảng 60% cỡ nhỏ hơn so với yêu cầu dự án, do đến thời điểm nuôi, chưa có tôm giống đảm bảo tiêu chuẩn.

– Thời gian nuôi kéo dài 110÷115 ngày, chi phí thuốc phòng trị bệnh, diệt tạp lớn, đã làm giá thành sản xuất của 1 đơn vị sản phẩm cao lên.

VII- ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN DỰ ÁN, BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Kết luận chung về kết quả thu được từ dự án:

Trông quá trình thực hiện dự án các cơ quan chủ quản, các cơ quan hữu quan đã bám sát các nội dung của dự án, chỉ đạo kịp thời để tạo ra sức mạnh tổng hợp; hoàn thành các mục tiêu về kinh tế, có hiệu quả về xã hội rõ ràng.

*** Hiệu quả về kinh tế:**

Hai năm thực hiện dự án, xây dựng thành công 2 mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến 9 ha và nuôi tôm bán thâm canh 0,75 ha, hiệu quả kinh tế của các mô hình năm sau đều cao hơn năm trước. Năm 2001 thực hiện dự án lãi được 38.970.000đ, năm 2002 lãi được 128.000.000đ. Trong quá trình triển khai dự án, giá một số nguyên liệu đầu vào tăng mà giá bán tôm thương phẩm giảm nhiều nên hiệu quả kinh tế không cao.

*** Hiệu quả về xã hội:**

Thực hiện dự án đã tạo việc làm ổn định, nâng cao thu nhập cho 25 lao động của 15 hộ trong nhóm thực hiện dự án, năng lực tiếp thu công nghệ nuôi tôm của các ngư dân ngày càng được nâng lên.

Kết quả của dự án đã có tác dụng thúc đẩy mạnh phong trào đắp đầm nuôi tôm rộng khắp thị xã Móng Cái nói chung và xã Vạn Ninh nói riêng. Trước khi chưa có dự án, xã Vạn Ninh có 6 hộ nuôi trồng thủy sản với diện tích là 30 ha, đến năm 2002 đã có 38 hộ nuôi trồng thủy sản và diện tích lên tới 85,9 ha. Từ đó, ngoài tạo công ăn việc làm cho các ngư dân còn nâng cao đời sống cho những hộ nuôi tôm trong vùng dự án, không chỉ là xoá đói giảm nghèo mà còn là thay đổi tập quán làm ăn theo kiểu “gạo chợ nước sông”. Tức là, kết quả của dự án đã làm giảm hẳn số người trước kia chỉ làm khuôn vác hàng hoá ở cửa khẩu với cuộc sống của thu nhập tạm bợ, không ổn định, số người làm chủ đầm lớn thì lại tăng lên, họ thi đua nhau phát triển kinh tế làm giàu bằng nghề nuôi trồng thủy sản, vì họ đã có sự hiểu biết nhiều về kỹ thuật nuôi tôm công nghiệp qua tiếp thu công nghệ của dự án.

*** Dự án thực hiện thành công là do các yếu tố cơ bản sau:**

Điều kiện tự nhiên vùng nước lợ của khu vực Móng Cái thích hợp cho công nghệ nuôi tôm ít thay nước: Nền đáy là cát, lượng phù sa ít, môi trường chưa bị ô nhiễm, độ mặn tương đối ổn định ở ngưỡng phù hợp cho sinh trưởng của tôm Sú $12 \div 23\text{‰}$, độ chua pH ở đất thấp, dao động trong khoảng cho phép ($\text{pH}_{\text{KCL}} = 6,2$). Đồng thời, nhóm hộ chủ đầm Đông Xá đã áp dụng đúng theo hướng dẫn quy trình công nghệ nuôi tôm ít thay nước và tỏ ra rất nắm vững công nghệ.

Dự án triển khai đúng nội dung và theo đúng tiến độ như trong thuyết minh của dự án.

Sự phối hợp chặt chẽ của các bên tham gia dự án với tinh thần vì công việc. Sự quan tâm khích lệ của UBND Thị xã, Chính quyền xã và sự hưởng ứng nhiệt tình của đơn vị tiếp nhận công nghệ.

2. Bài học kinh nghiệm:

Muốn nâng cao hiệu quả nuôi tôm cần phải quan tâm phòng bệnh cho tôm, một trong những phương pháp phòng bệnh là cải tạo và diệt tạp đầm nuôi để xử lý sạch đáy đầm, thường xuyên giữ môi trường nước ổn định.

Trong quá trình nuôi, giai đoạn đầu nên ít thay nước, nếu lấy đủ nước ngay từ đầu thì trong vòng 60 ngày trở lại không nên thay nước.

Đối với những đầm có diện tích nhỏ hơn 10 ha thì không nên làm ao ương tôm giống mà thả trực tiếp ra đầm, vì qua thực tế cho thấy nếu công tác chuẩn bị và xử lý diệt tạp đầm nuôi tốt, tôm thả trực tiếp ra đầm, ở giai đoạn đầu có tốc độ sinh trưởng nhanh, tỷ lệ hao hụt ít, dẫn đến hiệu quả kinh tế cao hơn.

Về tổ chức quản lý cần phải có sự phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ giữa các bên cùng tham gia thực hiện dự án, sự chỉ đạo sát sao của cơ quan quản lý và chủ trì dự án.

Chọn ao đầm nuôi nằm gần vùng có nguồn nước biển sạch, các yếu tố lý hoá thích hợp và ổn định, có sự tuần hoàn liên tục. Chất đáy là cát, cát pha hoặc đáy sỏi cát hay đất thịt không bị chua phèn ($\text{pH} > 6,5$).

Chọn địa bàn có công tác trật tự an ninh tốt, dễ thuê lao động. Gần thường giao thông và cấp điện, gần nơi cung cấp thức ăn, nguyên liệu thức ăn hoặc cung ứng giống thuận tiện, dễ dàng.

Nội dung của dự án phải thể hiện tính cần thiết và phù hợp với xu thế phát triển chung của ngành, được chính quyền địa phương khuyến khích, đó là một trong những điều kiện thuận lợi cho dự án có tính khả thi cao.

Trước hết chọn những hộ có nhiều nhân lực lao động, đã có chút ít kinh nghiệm về nuôi trồng thủy sản, có sẵn ao đầm phù hợp với yêu cầu của dự án.

Việc quản lý kinh phí hỗ trợ từ các nguồn phải theo đúng từng hạng mục chi để huy động được thêm nhiều nguồn vốn hỗ trợ khác khi mô hình được nhân rộng.

Có sự kết hợp lồng ghép với các chương trình khác nhằm có tác dụng nhân quả với nhau, ví dụ lồng ghép trồng rừng ngập mặn ven biển để bảo vệ bờ đầm khi mưa bão, giữ được độ mặn ổn định.

Cần có các cơ chế khuyến khích động viên kịp thời đối với những ngư dân tham gia xây dựng mô hình nhiệt tình, có hiệu quả, đồng thời tính chế độ phụ cấp cho cán bộ xã, kỹ thuật viên trực tiếp quản lý và theo dõi mô hình để tạo điều kiện cho việc nhân rộng mô hình sau này.

Cần thu hồi một phần vốn hỗ trợ được đầu tư ban đầu của các hộ xây dựng mô hình đạt hiệu quả kinh tế cao để có kinh phí phát triển mô hình trên diện rộng cho các hộ khác trong địa bàn hoặc mở rộng mô hình sang địa bàn khác.

3. Các đề xuất và kiến nghị:

Phối hợp hài hoà giữa chính sách khuyến khích phát triển các mô hình nuôi tôm ít, thay nước với các chính sách đảm bảo môi trường sinh thái của biển được ổn định và bền vững, không nên chặt phá rừng ngập mặn quá mức cho phép đối với vùng bảo vệ sự xâm thực của biển để đắp đầm nuôi tôm, vì rừng ngập mặn vừa là nơi cung cấp thức ăn, vừa nơi cư trú của nhiều hải sản có giá trị kinh tế.

Quá trình tổ chức thực hiện dự án, trước tiên chọn địa bàn có điều kiện tự nhiên phù hợp, tiếp đến chọn hộ. Sau đó, tổ chức mở các lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm ít thay nước, có kèm theo phát tài liệu, xây dựng mô hình trình diễn, tổ chức hội nghị đầu bờ để kiểm tra khả năng tiếp thu công nghệ của các ngư dân tại hiện trường.

Nhóm chủ đầm Đông Xá xã Vạn Ninh cùng với phòng Nông Lâm Ngư nghiệp thị xã cần phổ biến bài học kinh nghiệm về kỹ thuật nuôi tôm ít thay nước một cách rộng rãi cho các ngư dân vùng triều Móng Cái để phát triển nghề nuôi trồng thủy sản trở thành chủ yếu trong ngành.

Đề nghị Bộ Khoa học – Công nghệ tiếp tục có nhiều quan tâm đầu tư xây dựng các mô hình chuyển giao tiến bộ kỹ thuật công nghệ cho những dự án đầu tư lớn hơn trong lĩnh vực phát triển nuôi trồng thủy sản để Quảng Ninh góp phần phát triển kinh tế xã hội của vùng trọng điểm thủy sản là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh, đặc biệt là hàng thủy sản xuất khẩu chung của cả nước.

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

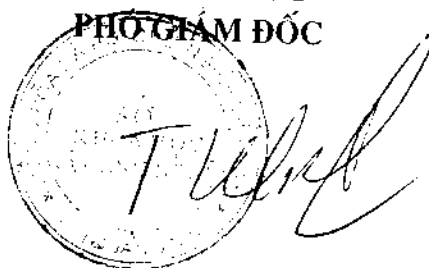


Vũ Văn Thành

CƠ QUAN CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Văn Minh

QUYẾT ĐỊNH
CỦA GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ & MÔI TRƯỜNG
Về việc thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

– Căn cứ quyết định số: 903/QĐ-Ủy ban nhân dân, ngày 04 tháng 4 năm 2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thành lập Hội đồng thẩm định và nghiệm thu các đề tài nghiên cứu Khoa học-Công nghệ.

– Căn cứ quyết định số 1429/QĐ-BKHCNMT, ngày 11 tháng 8 năm 2000 của Bộ trưởng Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường về việc phê duyệt dự án thuộc Chương trình “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998÷2000” của tỉnh Quảng Ninh

– Được sự nhất trí của các đại biểu mời tham gia Hội đồng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều I: Thành lập Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh dự án: “Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái” gồm các ông, bà có tên sau đây:

1-Chủ tịch: KS Đinh Trọng Ly, Phó GD Sở Thủy sản.

2-Thư ký : KS Lê Thanh Hà, TP KH-CN, Sở KH-CN&MT

3-Uỷ viên : CN Nguyễn Thị Quân, CV sở Tài chính – Vật Giá.

4-Uỷ viên : KS Vũ Văn Toàn, Chuyên Giã Hợp phần Su Ma.

5-Uỷ viên : KS Nguyễn Thế Căn, PP Nông Lâm Ngư thị xã Móng Cái.

6-Uỷ viên : KS Đoàn Quang Chiến, PP kỹ thuật Sở Thủy Sản.

7-Uỷ viên : KS Thiều Văn Thành, CV Trung tâm Khuyến ngư.

Điều II: Hội đồng có nhiệm vụ nghiệm thu kết quả nghiên cứu theo quy định. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ, hội đồng tự giải thể.

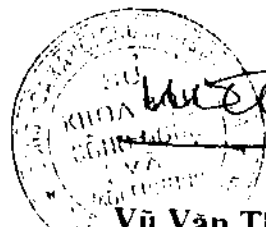
Điều III: Các ông trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp, Trưởng phòng KH CN, các thành viên hội đồng, chủ nhiệm dự án căn cứ quyết định thi hành.

Nơi nhận

– Các TV HD

– Lưu HCTH, KHCN

SỞ KH-CN&MT QUẢNG NINH
GIÁM ĐỐC


Vũ Văn Thành

Quảng Ninh, ngày 31 tháng 7 năm 2001

**BÁO CÁO NGHIỆM THU KẾT QUẢ NUÔI TÔM
VỤ I NĂM 2001 CỦA DỰÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH**

“ Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998–2002 ”

1. Tên dự án:

“ Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái ”

2- Mô hình:

- Nuôi tôm quảng canh cải tiến
- Nuôi tôm bán thâm canh

3. Địa phương và địa bàn thực hiện dự án:

Xã Vạn Ninh, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

4. Cơ quan chuyển giao công nghệ:

Trạm nghiên cứu nuôi thủy sản nước lợ – Viện Nghiên cứu thủy sản I

5. Ngày nghiệm thu kết quả vụ I : ngày 28 tháng 7 năm 2001.

6. Thành phần Đoàn nghiệm thu kết quả nuôi tôm vụ I năm 2001:

• Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường:

- Đ/c Bùi Mạnh Hải, Thứ trưởng Bộ Khoa học – Công nghệ & Môi trường
- Đ/c Nguyễn Trọng Thụ, Phó Vụ trưởng Vụ KHIC, Bộ Khoa học – CN & MT
- Đ/c Hoàng Xuân Thuận, Vụ NCKH Nông nghiệp, Bộ Khoa học – Công nghệ & MT
- Đ/c Nguyễn Trọng Bá, Văn phòng Chương trình NTMN
- Đ/c Bùi Thị Chiêm, CV theo dõi địa phương, Vụ KH-TV

• Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường Quảng Ninh:

- Đ/c Vũ Văn Thành, GĐ Sở KH-CN và MT Quảng Ninh : Chủ nhiệm Dự án.
- Đ/c Lương Y Dược, PGĐ Sở Khoa học – Công nghệ và MT Quảng Ninh
- Đ/c Nguyễn Văn Thuyết, Phó phòng Quản lý Khoa học – Công nghệ
- Đ/c Đoàn Như Vĩnh, Phó phòng Hành chính Tổng hợp
- Đ/c Nguyễn Thị Hoa, Kế toán Sở

• Đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ:

- Đ/c Nguyễn Văn Dũng, Trưởng trạm NC nuôi thủy sản nước lợ

- Đ/c Mai Công Khuê, Phó Trưởng trạm NC nuôi TS nước lợ.
- Đ/c Nguyễn Văn Quyền, cán bộ trực tiếp điều hành chuyển giao công nghệ

• **Đại diện chính quyền địa phương thực hiện dự án:**

- Đ/c Chu Bá Hải, Phó Chủ tịch UBND thị xã Móng Cái
- Đ/c Nguyễn Văn Sinh, Chủ tịch xã Vạn Ninh, Thị xã Móng Cái.
- Đ/c Lương Quang Sở, Chuyên viên theo dõi Khoa học – Công nghệ Thị xã Móng cái

• **Đại diện Sở Thủy sản Quảng Ninh**

- Đ/c Đoàn Quang Chiến, Q. Giám đốc Trung tâm Khuyến ngư tỉnh

• **Đại diện nhóm tổ dân (15 hộ) trực tiếp thực hiện dự án:**

- Ông Trương Phú Khánh, chỉ đạo tiếp nhận công nghệ thực hiện các mô hình
- Ông Trương Văn Thị, thành viên tổ nuôi tôm

7. NỘI DUNG NGHIỆM THU KẾT QUẢ VỤ NUÔI I NĂM 2001:

7.1 Căn cứ :

- Thuyết minh Dự án: “ *Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái* ”

- Căn cứ Hợp đồng số : 09-2001/HĐ-KCM ngày 21 tháng 3 năm 2001; hợp đồng số 10-2001/HĐ-KCM, số 11 -2001/HĐ -KCM ngày 20 tháng 01 năm 2001, số 12-2001/HĐ-KCM ngày 20/3/2001 giữa Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường với Đại diện nhóm tổ dân thực hiện dự án, và cơ quan chuyển giao công nghệ là Trạm NC nuôi thủy sản nước lợ.

- Căn cứ các báo cáo tiến độ định kỳ của các cơ quan chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thực hiện dự án.

7.2 Thực hiện nội dung dự án:

*Đồng chí Vũ Văn Thành, Chủ nhiệm dự án báo cáo tình hình thực hiện dự án chuẩn bị nuôi tôm vụ I năm 2001 bao gồm:

- a) Công tác chuẩn bị ao đầm nuôi tôm
- b) Công tác nghiệm thu Tôm giống và thả tôm:
- c) Công tác chuyển giao công nghệ:
- d) Công tác quản lý và chăm sóc tôm

(Các nội dung trên thể hiện trong biên bản nghiệm thu bước I ngày 9/4/2001 đã gửi về Bộ)

* Đồng chí Trương Văn Thị thay mặt tổ dân thực hiện dự án đã báo cáo cụ thể về quá trình chuẩn bị và nuôi tôm vụ I, đó là :

→ **Những thuận lợi khi thực hiện dự án :**

Được sự quan tâm của Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường và Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường Quảng Ninh đã tạo điều kiện cho tổ dân được tiếp nhận thực hiện dự án. Sự phối hợp với cơ quan chuyển giao công nghệ đã nâng cao sự hiểu biết về kỹ thuật nuôi tôm với công nghệ ít thay nước. Ủy ban nhân dân thị xã Móng Cái, UBND xã Vạn Ninh đã tích cực

chỉ đạo và kích lệ nhóm hộ dân thực hiện dự án , trong quá trình triển khai và nuôi tôm đã tạo sự ổn định, an toàn xã hội , trật tự trị an nhằm nâng cao hiệu quả , kết quả thực hiện dự án . Các cơ quan chuyên môn như Sở Thủy sản, Trung tâm khuyến ngư Tỉnh , Sở Tài chính Vật giá, Kho bạc địa phương đã tạo mọi điều kiện cho vấn đề giải ngân để thực hiện dự án . Tổ dân thực hiện dự án có quyết tâm cao , có tinh thần đoàn kết nhất trí , có tinh thần học hỏi kiến thức về nuôi trồng thủy sản , nhất là nuôi tôm .

– *Một số khó khăn :*

Trước hết đó là vấn đề Tài chính , được Bộ Tài chính cấp và Sở Khoa học – Công nghệ & MT Quảng Ninh chuyển cho tổ dân để thực hiện Dự án trong năm 2000 là 160.000.000, đồng . Nguồn tài chính này chỉ đủ mua máy móc thiết bị và một phần rất nhỏ để mua tôm giống , còn lại phần tài chính cho chăm sóc tôm rất lớn thì các hộ dân đã phải vay vốn Ngân hàng , đầu tư để chăm sóc tôm.

Thời tiết năm 2001 có khó khăn về nuôi trồng thủy sản , sự thay đổi thời tiết, nhiều ngày mưa và lượng mưa lớn , ngày nắng nóng với nhiệt độ cao không ít gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng của tôm.

Tổ dân đã thực hiện mua một số máy quạt nước phục vụ cho mô hình nuôi tôm bán thâm canh , nhưng do chất lượng của máy (máy Trung Quốc) không được tốt cho nên một số bị hư hỏng nhanh (3/4 số máy bị hỏng) cho nên phải khắc phục bằng cách dùng máy bơm để đảo nước tạo thêm khí Ô xy cho nước đầm.

Về thu hoạch, giá tôm tại Móng Cái hạ thấp so với cùng kỳ năm 2000. Giá thực tế cuối tháng 7 chỉ 60 đến 70 ngàn đồng / kg tôm thương phẩm.

Kết quả năng xuất thực hiện mô hình:

Thay mặt tổ dân thực hiện dự án đồng chí Trương Văn Thị đã báo cáo với Đoàn nghiệm thu về tình hình sản lượng ước tính đạt được qua kiểm tra bằng phương pháp cắt vó sau 115 ngày nuôi như sau :

+ Mô hình nuôi quảng canh cải tiến bằng phương pháp ít thay nước tại đầm 9 ha : năng xuất ước đạt 1– 1,1 tấn / ha .So với mục tiêu đã vượt gấp đôi

+ Mô hình nuôi tôm bán thâm canh tại ao 0,7 ha , ước năng xuất đạt khoảng 2 tấn / ha so với mục tiêu dự án đã đạt và vượt mục tiêu .

7.3 Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các mô hình của dự án:

a– Tổng hợp kinh phí SNKH đã ghi trong hợp đồng cho dự án : 550, triệu đồng

b– Tổng hợp kinh phí SNKH đã cấp cho mô hình : 200, triệu đồng

c– Tổng hợp kinh phí đã được sử dụng: 200, triệu đồng

d– Tổng hợp kinh phí đã được quyết toán : 200, triệu đồng

8. KẾT LUẬN CHUNG:

• **Đánh giá chung về kết quả thực hiện mô hình dự án:**

Thay mặt Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường đồng chí Thứ trưởng Bùi Mạnh Hải đã kết luận:

– Dự án được triển khai theo tiến độ, các cơ quan tham gia thực hiện dự án đã tích cực chỉ đạo các bộ phận bám sát nhiệm vụ của Dự án.

– Các kết quả triển khai đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật.

– Giống tôm sú Trung Quốc thích nghi với điều kiện sinh thái tại Móng Cái Quảng Ninh

– Kinh phí dự án được cấp chưa đạt theo yêu cầu, nhưng các cơ quan đã chủ động tiến hành thực hiện công việc theo tiến độ.

– Năng suất của các mô hình đã bước đầu chứng tỏ công nghệ nuôi tôm ít thay nước theo điều kiện sinh thái vùng triều tại Thị xã Móng Cái là phù hợp. Để chứng minh công nghệ này một cách tin cậy hơn cần được kiểm chứng bằng những vụ nuôi tôm sau và đi đến kết luận, từ đó sẽ nhân rộng mô hình.

• Các kiến nghị:

– Tổ dân tiếp nhận thực hiện dự án đề nghị Chủ nhiệm dự án cho phép sử dụng tiền mua tôm giống (do giá tôm thấp hơn dự toán) còn lại để mua thêm thiết bị đảo nước phục vụ mô hình nuôi tôm bán thâm canh.

– Cơ quan chuyển giao công nghệ cần quan tâm chỉ đạo chặt chẽ trong quá trình nuôi tôm ở các vụ sau trong thời gian thực hiện dự án.

– Đề nghị Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường xem xét và tiếp tục cấp kinh phí cho Dự án để triển khai đạt kết quả.

Chủ nhiệm Dự án

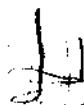


Vũ Văn Thành

SỞ KHCN & MT QUẢNG NINH

K/T GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Y Dược

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 4 năm 2002

BIÊN BẢN KIỂM TRA NĂM THỨ II DỰ ÁN
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

“ Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998–2002 ”

1. Tên dự án:

“ Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái ”

2- Mô hình:

- Nuôi tôm quảng canh cải tiến
- Nuôi tôm bán thâm canh

3. Địa phương và địa bàn thực hiện dự án:

Xã Vạn Ninh, thị xã Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.

4. Cơ quan chuyển giao công nghệ:

Trạm nghiên cứu nuôi thủy sản nước lợ – Viện Nghiên cứu thủy sản I

5. Ngày kiểm tra : ngày 25 tháng 4 năm 2002.

6. Thành phần Đoàn kiểm tra:

- Đại diện Sở Khoa học – Công nghệ & MT:
 - Đ/c Nguyễn Văn Thuyết, Phó phòng QLKH-Sở KHCN & MT Q. Ninh
- Đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ:
 - Đ/c Mai Công Khuê, Phó Trưởng trạm N C nuôi TS nước lợ.
 - Đ/c Nguyễn Văn Quyền, chuyên gia trực tiếp điều hành chuyển giao công nghệ
- Đại diện chính quyền địa bàn thực hiện dự án:
 - Ông Trương Văn Thị, Trưởng phòng Nông Lâm Ngư, UBND Thị xã Móng Cái.
- Đại diện nhóm tổ dân (15 hộ) thực hiện tiếp nhận nội dung dự án:
 - Ông Trương Văn Quảng, chỉ đạo trực tiếp về tiếp nhận công nghệ và thực hiện các mô hình năm thứ 2 (năm 2002)

7. NỘI DUNG KIỂM TRA:

7.1 Căn cứ :

- Thuyết minh Dự án: *Áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái*

- Căn cứ Hợp đồng số : 09-2001/HĐ-KCM ngày 21 tháng 3 năm 2001; hợp đồng số 10-2001/HĐ-KCM , số 11 -2001/HĐ - KCM ngày 20 tháng 01 năm 2001, số 12-2001/HĐ-KCM ngày 20/3/2001 giữa Sở Khoa học – Công nghệ và Môi trường với Đại diện nhóm tổ dân thực hiện dự án , cùng cơ quan chuyển giao công nghệ là Trạm NC nuôi thủy sản nước lợ.

Căn cứ các báo cáo tiến độ định kỳ của các cơ quan chuyển giao công nghệ và tiếp nhận thực hiện dự án .

7.2 Thực hiện nội dung dự án:

a) Công tác chuẩn bị ao đầm nuôi tôm năm thứ 2:

Cho tới ngày 25/4/2002 nhóm hộ tiếp nhận thực hiện dự án đã làm được các phần việc cho triển khai nuôi vụ tôm xuân hè năm 2002 như sau:

Tu sửa hệ thống đầm nuôi (10,7 ha,) trong đó đầm lớn là 10 ha (nuôi quảng canh cải tiến), đầm nhỏ là 0,7 ha (nuôi tôm mô hình bán thâm canh), đầm lớn 10 ha được đắp bổ sung, mặt phía trong đầm có ni lon tránh dò rỉ và chống sóng trách xói mòn. Đối với ao nhỏ 0,7 ha Giữa bờ ruộng nông nghiệp và lưới bạt có rãnh thoát nước thải

- Hệ thống cấp thoát nước :

Đã tu sửa 03 cống cấp và tiêu nước ở cả 2 đầm : khẩu độ 1,2 m, thân cống 5 m;

- Hệ thống lưới chắn :

Đầm 10 ha , lưới được căng trước cửa cống số 1 và 2 , lưới 3 lớp cỡ mắt lưới 2a=1mm. bên ngoài túi lưới là hệ thống lưới quây trước cửa cống cao 3,5 m, cỡ mắt 2a =1mm, diện tích quây là 120 m² được giữ bởi các cọc tre chôn sâu xuống đáy đầm , tương tự ở ao nuôi tôm bán thâm canh cũng được thiết kế tương tự .

- **Cải tạo ao nuôi :**

Đầm được tháo cạn vào ngày 20/2/2001 và được phơi khô , cày xới , bón vôi xong ngày 2/3/2001 , lượng vôi bón là 15 tấn cho 2 đầm lớn , nhỏ. Đặc biệt vận chuyển chất đáy có màu đen khỏi đáy đầm.

- Diệt tạp , diệt khuẩn : dùng Chế phẩm sinh học (Trung Quốc) cải thiện môi trường nước.

- Cấp nước rửa đầm 02 lần theo quy trình .Đợt 2 cấp nước từ ngày 16-24/4/2002

- Chuẩn bị chuồng ương tôm P15 : Đầm lớn chuẩn bị chuồng rộng 8000m² , đầm nhỏ chuẩn bị chuồng 400m² , chuồng được quây bằng lưới cỡ mắt 2a =1mm cao 1,0 m, có cọc tre giữ lưới khoảng cách 1m một cọc

- Gây màu nước : Dùng Ngr đặc lợi (Trung Quốc) bón vào ngày 18/4/2002 và ngày 22/4/2002 cho 2 đầm với tỷ lệ 40kg/ha

- Tôm giống:

1 Nguồn gốc tôm: tổ dân thực hiện dự án đã mua giống tôm sú tại Trại Giống của của Công ty Vân Đồn tại Bình Ngọc , Móng Cái

c) Công tác chuyển giao công nghệ:

Trạm Nghiên cứu nuôi thủy sản nước lợ phân công chuyên gia của Trạm chỉ đạo tổ dân về thực hiện cải tạo đầm, chú trọng công tác xử lý đáy , diệt tạp , cấu hình chuồng ương

giống, tham mưu cho vấn đề tuyển chọn, vận chuyển giống, thả giống và chăm sóc giống đang thời kỳ ương.

Đã tổ chức được lớp học cho các hộ nông dân nuôi thủy sản của 2 xã Vạn Ninh và Hải Xuân về kỹ thuật nuôi tôm theo hai phương pháp quảng canh cải tiến và bán thâm canh cũng phòng Nông Lâm Ngư của UBND thị xã Móng Cái.

7.3 Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện các mô hình của dự án:

- a) Tổng hợp kinh phí SNKII đã ghi trong hợp đồng cho dự án: 550 triệu đồng
- b) Tổng hợp kinh phí SNKII đã cấp cho mô hình: 550 triệu đồng
- c) Tổng hợp kinh phí đã được sử dụng: triệu đồng
- d) Tổng hợp kinh phí đã được quyết toán:

8. KẾT LUẬN CHUNG:

• Đánh giá chung về kết quả thực hiện mô hình dự án:

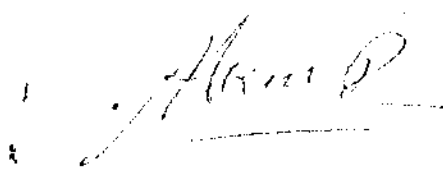
- Dự án được triển khai theo tiến độ, các cơ quan tham gia thực hiện dự án đã tích cực chỉ đạo các bộ phận bám sát nhiệm vụ của Dự án.
- Các kết quả triển khai đạt chất lượng theo yêu cầu kỹ thuật.

• Các kiến nghị:

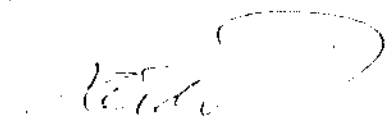
- Tổ dân tiếp nhận thực hiện dự án tập trung thực hiện quy trình công nghệ
Lớp đùn thức ăn được nuôi theo yêu cầu kỹ thuật
Tập huấn luyện sơ tâm ương và thả thả công nghệ nuôi tôm 26/4/2022
- Cơ quan chuyên giao công nghệ
Cử chuyên gia bảo vệ hồ dẫn hướng dẫn kỹ thuật nuôi tôm
Tập huấn luyện kỹ thuật cho các hộ dân ở 2 xã Vạn Ninh, Hải Xuân.

Biên bản này được thông qua Đoàn nghiệm thu và các thành viên thống nhất.

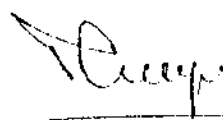
ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ



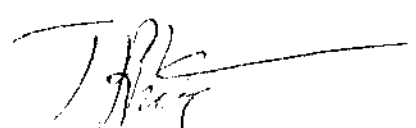
Mai Công Khước
ĐẠI DIỆN CQ ĐỊA PHƯƠNG



ĐẠI DIỆN SỞ KHCN & MT
Trưởng đoàn



Trương Văn Thuận
ĐẠI DIỆN TỔ DÂN THỰC HIỆN DỰ ÁN



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO KẾT QUẢ THỰC HIỆN
MÔ HÌNH DỰ ÁN**

THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

“Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 1998–2002”

1. Tên dự án:

“áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái”

2. Địa phương và địa bàn thực hiện dự án:

Nhóm hộ 15 gia đình chủ đầm Đông Xá, xã Vạn Ninh, thị xã Móng Cái.

3. Ngày nghiệm thu và bàn giao các mô hình: ngày 20 tháng 1 năm 2003.

4. Thành phần tham gia:

Ông : Lương Y Dược, PGD Sở KHCN và MT Quảng Ninh, đại diện cơ quan chủ trì

Bà: Nguyễn Thị Quân, CV đại diện Sở Tài chính – Vật giá Quảng Ninh.

Ông: Thiều Văn Thành, Cán bộ kỹ thuật, đại diện Sở Thủy sản.

Đại diện chính quyền địa bàn tiếp nhận kết quả dự án :

Ông Nguyễn Thế Căn: P.P Nông Lâm Ngư thị xã Móng Cái.

Bà Nguyễn thị Tinh: Đại diện cho nhóm chủ đầm Đông Xá, xã Vạn Ninh.

Đại diện cơ quan chuyển giao công nghệ gồm:

Ông : Mai Công Khuê, Trạm phó Trạm nghiên cứu NTTS nước lợ.

5. Nội dung nghiệm thu và bàn giao:

a) Những căn cứ để nghiệm thu và bàn giao:

– Thuyết minh Dự án: **“áp dụng mô hình nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế vào điều kiện sinh thái vùng triều thị xã Móng Cái”**

– Căn cứ Quy định tạm thời số 2766/KH ngày 30 /11/1996 của Bộ trưởng Bộ Khoa học – Công nghệ và Môi trường(về quản lý các dự án SXTN) .

– Căn cứ quyết định số 930/1999/QĐ–BKHCNMT ngày 25/5/1999 của Bộ trưởng bộ Khoa học – Công nghệ về tổ chức quản lý và chỉ đạo thực hiện Chương trình “Xây dựng các mô hình ứng dụng khoa học – công nghệ phục vụ phát triển KT–XH nông thôn, miền núi.”

– Căn cứ công văn số 213/BKHCNMT–NN ngày 19/ 01/2001 của Bộ Khoa học – Công nghệ và MT về việc tổng kết, nghiệm thu các Dự án NTMN

b) Nội dung nghiệm thu và bàn giao cụ thể các mô hình của dự án:

+ *Áp dụng công nghệ nuôi tôm ít thay nước.*

Kết quả đã tiếp thu được công nghệ từ cơ quan chuyển giao và ứng dụng nuôi thành công nuôi 2 vụ của 2 mô hình sau:

*Mô hình nuôi tôm quảng canh cải tiến xây dựng đầm nuôi tôm với diện tích là 9ha, đạt năng suất từ 902–1126kg/ha, đạt mục tiêu dự án đề ra.

*Mô hình nuôi bán thâm canh trên diện tích xây dựng là 0,75 ha, đạt năng suất của năm 2001 là 840 kg, của năm 2002 là 1662 kg/ ha so với năng suất của năm 2001=125%, và đạt 225% so với mục tiêu đề ra.

*Quy trình kỹ thuật nuôi tôm sú ít thay nước đối với hình thức nuôi quảng canh cải tiến và bán thâm canh đã chuyển giao đến các hộ dân thực hiện dự án, có tài liệu kèm theo.

+ *Bàn giao máy móc, thiết bị đã trang bị phục vụ cho đầm nuôi bán thâm canh:*

STT	Máy móc, thiết bị	SL(Cái)	STT	Máy móc, thiết bị	SL(Cái)
1	Máy đo pH	1	4	Khúc xạ kế	1
2	Máy đo độ mặn	1	5	Máy bơm nước	2
3	Máy đảo nước	8	6	Thuyền cho tôm ăn	2

6. Nhận xét:

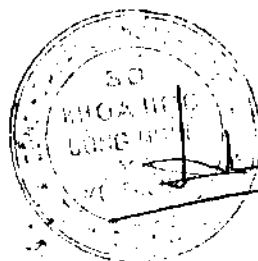
Dự án thực hiện đầy đủ các nội dung đã được phê duyệt trong đề cương và đạt kết quả tốt. Nhóm chủ đầm Đông Xá, xã Vạn Ninh đã tiếp nhận và áp dụng công nghệ nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả, công nghệ này đang được áp dụng rộng rãi trên vùng triều thị xã Móng Cái.

Biên bản này được các bên nhất trí thông qua và được gửi tới các cơ quan có trách nhiệm và liên quan tới Dự án.

Đại diện Sở Tài chính – Vật giá QN

Đại diện Sở KH-CN và MT ^{tr}

[Signature]



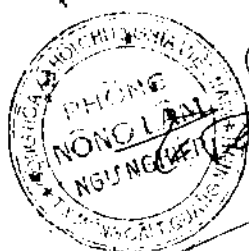
Nguyễn Thị Loan

**Đại diện Phòng nông lâm ngư
thị xã Móng Cái**

Đại diện nhóm chủ đầm Đông Xá.

TRƯỞNG PHÒNG

[Signature]
Nguyễn Thị Trinh



Đại diện Trung tâm Khuyến ngư

Trương Văn Thanh

[Signature]
Thiếu Văn Thanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 18 tháng 4 năm 2002

BIÊN BẢN

Kiểm tra xét duyệt quyết toán năm 2000 (Phân kinh phí uỷ quyền)

(Kèm theo công văn số 1937 ngày 26 tháng 4 năm 1999 của Bộ Tài chính)

- Đại diện đơn vị sử dụng kinh phí: Sở Khoa học CN&MT Quảng Ninh
- Ông : Lương Y Được : Phó giám đốc
- Bà : Nguyễn Thị Hoa : Kế toán
- Đại diện Sở Tài chính : Vật giá tỉnh Quảng Ninh
- Ông (Bà):
- Ông (Bà):
- Bà : Nguyễn Thị Quàn: Cán bộ chuyên quản

Sau khi tiến hành thẩm tra, xem xét quyết toán kinh phí thực hiện dự án "áp dụng phương pháp nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế trong điều kiện sinh thái vùng triều ở thị xã Móng Cái".

Thời gian thực hiện từ tháng 10 năm 2000 đến tháng 10 năm 2002

Kết quả kiểm tra kinh phí dự án trên chương: 017A - loại 11 khoản 03

1. Phân số liệu:

Chi tiêu	Số liệu QT của đơn vị sử dụng KP uỷ quyền	Số liệu QT của cơ quan TC được uỷ quyền duyệt
A. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ		
1. Kinh phí năm trước chuyển sang	200.000.000	200.000.000
2. Dự toán được duyệt trong năm:	350.000.000	350.000.000
3. Kinh phí được cấp trong năm	350.000.000	350.000.000
- Hạn mức	350.000.000	350.000.000
- Lệnh chi		
4. Kinh phí thực rút Kho bạc	350.000.000	350.000.000
- Hạn mức	350.000.000	350.000.000
- Lệnh chi		
5. Kinh phí được sử dụng (1+4)	550.000.000	550.000.000
6. Số chi đề nghị quyết toán	550.000.000	550.000.000
7. KP giảm trong năm (nộp trả, giảm khác)	0	0
8. KP chưa Q/ toán chuyển năm sau (5-6-7)	0	0

B. KINH PHÍ QUYẾT TOÁN NAM CHIA RA:

	L	K	M	TM	Nội dung	Số tiền (tính theo đơn vị sử dụng KQ ủy quyền)	Số tiền (tính theo cơ quan TT được ủy quyền duyệt)
01	A	11	01	109	Xăng dầu	123,000	123,000
				113	Chi công tác	7,127,000	7,127,000
				113	Chi tiền vé	360,000	360,000
				113	Chi lưu trú	1,190,000	1,190,000
				113	Chi tiền ngu	564,000	564,000
				113	Chi khoản công tác	5,000,000	5,000,000
				119	Chi nghiệp vụ	49,750,000	49,750,000
				119	Thanh toán với hợp đồng bên ngoài	135,600,000	135,600,000
				99	Chi nghiệp vụ khác	14,150,000	14,150,000
			145	99	Mua TSCĐ phục vụ dự án	93,000,000	93,000,000
					Cộng	550,000,000	550,000,000

1. Nội dung xét xét liên nghi: Dự án đã được thực hiện theo tiến độ thời gian và kinh phí được sử dụng đúng theo dự toán được duyệt, kinh phí quyết toán : 550.000.000đ (Năm trăm lăm mươi triệu đồng chẵn).

Biên bản được lập xong các thành viên đều nhất trí với nội dung trên và cung lý vào biên bản.

SỞ TÀI CHÍNH

VẬT GIẢM

KẾ TOÁN ĐƠN VỊ

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

Chủ tịch hội đồng
Đánh giá

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ TRUNG ƯƠNG

Kinh phí thực hiện Dự án " áp dụng phương pháp nuôi tôm ít thay nước có hiệu quả kinh tế trong điều kiện sinh thái vùng triều ở thị xã Móng Cái"

Thời gian thực hiện từ tháng 12 năm 1998 đến tháng 12 năm 2000

Tổng kinh phí thực hiện : 550.000.000đ

Năm 2000 được sử dụng : 200.000.000đ

Năm 2001 được sử dụng : 350.000.000đ

Kinh phí thu hồi nộp về Bộ Khoa học CN&MT: (70 triệu đồng vào tháng 7/2003)

Kinh phí đề nghị quyết toán : 550.000.000đ

QUYẾT TOÁN CHI TIẾT CÁC MỤC THEO BIỂU:

Đơn vị tính: đồng

THU NHẬP	MỤC	NỘI DUNG	KINH PHÍ QUYẾT TOÁN
		TỔNG SỐ	550.000.000
	100	Tiền lương	
	102	Phụ cấp lương	
	109	Năng suất	123.000
	110	Vật tư văn phòng	
	112	Chi hội nghị	
	113	Chi công tác phí	7.127.000
	117	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	
	118	Sửa chữa lớn TSCĐ	
	119	Chi phí nghiệp vụ	449.750.000
	134	Chi khác	
	144	Mua TSCĐ vô hình	
	145	Mua TSCĐ hữu hình	93.000.000

Chữ thành bằng chữ: (Năm trăm năm mươi triệu đồng chẵn)

XÁC NHẬN CỦA SỞ TÀI CHÍNH

KẾ TOÁN

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CHỖ CHỮ VÀ CHỮ ĐÓNG

